

Bản án số: 133/2020/HSST

Ngày: 27/05/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Can.

Ông Đỗ Quang Khánh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận C, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 133/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2020/QĐXXST-HS ngày 11/05/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/HSST-QĐ ngày 22/5/2020 đối với bị cáo:

CHU MINH T, sinh năm 1982, tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT: X, xã X, huyện P, thành phố H; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Minh CT và bà Nguyễn Thị X, vợ Nguyễn Thị Hoài T, bị cáo có 03 (Ba) con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án tiền sự: 01 (Một) tiền án: Ngày 28/02/2011, Tòa án nhân dân huyện P xử 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản (Đã xóa). Chấp hành xong án phạt ngày 01/10/2013. Danh bản, chỉ bản số 170 do Công an quận C lập ngày 07/02/2020. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1981. (Vắng mặt tại phiên tòa).

HKTT: Tổ 10, phường Q, quận C, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 15/12/2019, anh Nguyễn Việt H (sinh năm: 1981, HKTT: Tổ 10, Q, C, H) đến Pa hàng Thế giới di động, địa chỉ: Số 111 M, M, C, H mua điện thoại. Sau khi mua điện thoại, anh H sử dụng thẻ thanh toán tiền rồi cất thẻ vào ví da màu đen để trên bàn thu ngân và ký hóa đơn rồi đi về mà quên không cầm theo ví. Trong chiếc ví da có 3.930.000 (Ba triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng, trong đó có 1.000.000 (Một triệu) đồng gấp lại để trong ngăn có khóa; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 100 USD có số seri: 1F05819618K; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 2 USD có số seri: L21515615A; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 2 USD có số seri: B29802371A; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 2 USD có số seri: L18163360A; 01 (Một) tờ tiền Bảng Anh số seri: AC18310425 và 02 (Hai) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng màu đỏ; 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 01908100087; 01 (Một) giấy phép lái xe hạng A1; 01 (Một) giấy phép lái xe hạng B2; 01 (Một) thẻ ATM Visa card; 03 (Ba) thẻ ATM; 01 (Một) thẻ y tế; 01 (Một) thẻ giảng viên trường ĐHQG H; 01 (Một) thẻ ra vào Học viện Cảnh sát nhân dân đều mang tên anh H; 01 (Một) đăng ký xe máy BKS: 29X3 - 282.24 mang tên Lại Thị Thu và 01 (Một) đăng ký xe máy BKS; 30M2 — 1706 mang tên Hoàng Mai Cương. Đến 17 giờ 25 phút cùng ngày, Chu Minh T điều khiển xe ô tô BKS: 30G - 060.03 có mã số 17049 của hãng taxi Vinasun đến trước Pa hàng Thế giới di động thì đỗ lại rồi đi vào Pa hàng. T đến quầy thu ngân để mua thẻ điện thoại thì thấy một nam thanh niên (không rõ lai lịch) đang thanh toán tiền với nhân viên của Pa hàng, trên mặt bàn bên cạnh nam thanh niên có một chiếc ví màu đen là chiếc ví mà anh H để quên. Lúc này, T nghĩ chiếc ví là của nam thanh niên trên nên nảy sinh ý định trộm cắp. T quan sát thấy nam thanh niên đang mãi thanh toán với nhân viên Pa hàng, không để ý đến chiếc ví bên cạnh nên T dùng tay trái lấy chiếc ví bỏ vào túi quần bên trái rồi đi ra khỏi Pa hàng. Sau đó, T đi đến đường Mạc Thái Tổ, Yên Hòa, C, H lục soát chiếc ví vừa trộm cắp được và lấy 2.930.000 (Hai triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng, 02 (Hai) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng màu đỏ và 05 (Năm) tờ tiền ngoại tệ rồi bỏ vào túi quần bên trái của mình. Số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng ở trong ngăn có khóa thì T không kiểm tra kỹ nên không biết có tiền. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe ô tô BKS: 30G - 060.03 đến cách ngã tư Nguyễn Xiển khoảng 500m thì dừng xe lại vứt chiếc ví cùng toàn bộ giấy tờ trong ví xuống vệ đường. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, anh H phát hiện để quên chiếc ví nên đã đến Pa hàng Thế giới di động kiểm tra camera thì biết người lấy là lái xe của hãng taxi Vinasun. Sau đó, anh H đã gọi điện cho hãng xe taxi Vinasun để liên lạc với T nhưng T vẫn không thừa nhận lấy chiếc ví của anh H. Anh H đã đến

Công an phường M trình báo. Sau khi được Công an phường M thông báo lên làm việc thì T đã đến Công an phường M đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra: Chu Minh T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của anh H như nội dung nêu trên. Lời khai của T phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong quá trình điều tra, phù hợp camera thu giữ lưu hình ảnh Chu Minh T đang có hành vi lấy chiếc ví trên bàn lễ tân tại Pa hàng Thế giới di động.

Xác minh tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh T được cung cấp 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 100 USD có số seri: 1F05819618K; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 2 USD có số seri: L21515615A; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 2 USD có số seri: B29802371A; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 2 USD có số seri: L18163360A; 01 (Một) tờ tiền Bảng Anh số seri: AC18310425 là tiền thật, quy đổi 05 (Năm) tờ tiền trên giá trị là: 3.622.320 đồng.

Theo kết luận định giá số 556 ngày 18/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự: 01 (Một) chiếc ví da màu đen, không nhãn hiệu không còn giá trị.

Tổng trị giá tài sản mà T trộm cắp là: 7.552.320 đồng (Bảy triệu năm trăm năm mươi hai nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Đồ vật tài liệu tạm giữ: số tiền 3.930.000 đồng (Ba triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng); 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 100 USD có số seri: 1F05819618K; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 2 USD có số seri: L21515615A; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 2 USD có số seri: B29802371A; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 2 USD có số seri: L18163360A; 01 (Một) tờ tiền Bảng Anh số seri: AC18310425 và 02 (Hai) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng màu đỏ.

Cơ quan điều tra quận C đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả 3.930.000 (Ba triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng, 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 100 USD, 03 tờ tiền mệnh giá 2 USD, 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 50 Bảng Anh và 02 (Hai) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng màu đỏ cho anh Nguyễn Việt H là chủ sở hữu. Sau khi được trao trả tài sản, anh H không có ý kiến gì.

Cáo trạng số 142/CT - VKSCG ngày 29/04/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận C truy tố Chu Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Chu Minh T, xử phạt bị cáo T mức án tù 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án

treo, thời hạn thử thách từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi tư) tháng. Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về dân sự: Không.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận hành vi do mình thực hiện là phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Chu Minh T trình bày lời nói sau cùng: bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã ăn năn hối hận và mong muốn được sự khoan hồng để có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản tạm giữ đồ vật, bản kết luận giám định, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 15/12/2019, Chu Minh T có hành vi trộm cắp tài sản tại Pa hàng Thế giới di động tại địa chỉ: Số 111 M, M, C, H là chiếc ví da màu đen, bên trong có 3.930.000 (Ba triệu chín trăm ba mươi nghìn) Việt Nam đồng và số ngoại tệ gồm: 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 100 USD có số seri: 1F05819618K; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 2 USD có số seri: L21515615A; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 2 USD có số seri: B29802371A; 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 2 USD có số seri: L18163360A; 01 (Một) tờ tiền Bảng Anh số seri: AC18310425 và 02 (Hai) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng màu đỏ cùng một số các giấy tờ khác. Quy đổi theo tỷ giá là: 3.622.320 (Ba triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn ba trăm

hai mươi) đồng. Tổng trị giá tài sản mà T trộm cắp là: 7.552.320 (Bảy triệu năm trăm năm mươi hai nghìn ba trăm hai mươi) đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận C là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

[3] Nhận xét về nhân thân và lượng hình đối với bị cáo: Tính chất hành vi phạm tội thể hiện bị cáo là một người đã trưởng thành tuy nhiên thích hưởng thụ, lười lao động.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét, tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Giá trị tài sản bị cáo trộm cắp được không lớn, đã thu hồi và trả lại cho bị hại. Sau khi nhận lại tài sản, bị hại không có yêu cầu gì. Bị cáo có 01 (Một) tiền án từ năm 2011, tuy nhiên đã được xóa án tích. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú tại Công an phường M, quận C, thành phố H. Ngoài ra, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có truyền thống cách mạng, bố bị cáo được tặng huân chương kháng chiến hạng ba do đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông bà của bị cáo được tặng huân, huy chương kháng chiến, bằng khen của Chính phủ do đã có công góp sức trong cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà mở lượng khoan hồng cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật. Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có khả năng thi hành phạt bổ sung bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về tang vật: Không.

[5] Về dân sự: Cơ quan điều tra Công an quận C đã ra trao trả 3.930.000 (Ba triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng, 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 100 USD, 03 tờ tiền mệnh giá 2 USD, 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 50 Bảng Anh và 02 (Hai) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng màu đỏ cho bị hại là anh Nguyễn Việt H. Sau khi được trao trả tài sản, anh H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Chu Minh T** phạm tội **Trộm cắp tài sản**.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Chu Minh T **10 (Mười) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là **20 (Hai mươi) tháng** kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Chu Minh T về UBND xã X, huyện P, thành phố H để giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Không

3. Về dân sự: Không.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Chu Minh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng.
- Lưu Hồ sơ, lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hằng